

#### **PHẨM 4: LUẬN NGHỊ TRONG PHẦN QUYẾT TRẠCH**

- Thế nào là luận nghị quyết trạch? Lược nói có bảy thứ:

1. Nghĩa quyết trạch.
2. Thích quyết trạch.
3. Phân biệt hiển thị quyết trạch.
4. Đẳng luận quyết trạch.
5. Thâu nhiếp quyết trạch.
6. Luận quỹ quyết trạch.
7. Bí mật quyết trạch.

- Thế nào là nghĩa quyết trạch? Là nương vào sáu nghĩa mà khởi quyết trạch. Sáu nghĩa gồm:

1. Nghĩa Tự tánh.
2. Nghĩa Nhân.
3. Nghĩa Quả.
4. Nghĩa Nghiệp.
5. Nghĩa Tương ứng.
7. Nghĩa Chuyển.

Tự tánh nghĩa là ba tự tánh.

- Nhân nghĩa là ba nhân:

1. Nhân Sinh.
2. Nhân chuyển.
3. Nhân Thành.

- Quả nghĩa là năm quả:

1. Quả dị thực.
2. Quả đẳng lưu.
3. Thượng Quả tăng.
4. Quả sĩ dụng.
5. Quả ly hệ.

- Nghiệp nghĩa là năm nghiệp:

1. Nghiệp Thủ thọ.
2. Nghiệp Tác dụng.
3. Nghiệp Gia hạnh.
4. Nghiệp Chuyển biến.
5. Nghiệp Chứng đắc.

- Tương ứng nghĩa là năm tương ứng:

1. Tự kiết tương ứng.
2. Theo đuổi tương ứng.

3. Liên xuyết tương ứng.

4. Phần vị tương ứng.

5. Chuyển biến tương ứng.

- Nghĩa là Chuyển năm chuyển:

1. Chuyển Tướng.

2. Chuyển An trụ.

3. Chuyển Điên đảo.

4. Chuyển Bất điên đảo.

5. Chuyển Sai khác.

- Thế nào là thích quyết trạch? Là khả năng giải thích các tông yếu của kinh. Giải thích này là thế nào? Lược có sáu thứ:

1. Sở biết khắp sự.

2. Sở biết khắp nghĩa.

3. Biết khắp nhân duyên.

4. Biết khắp tự tánh.

5. Biết khắp quả.

6. Bỏ chứng thọ.

- Lại nữa, mười bốn môn biện thích quyết trạch, mười bốn môn là:

1. Nhiếp thích môn.

2. Nhiếp sự môn.

3. Tổng biệt phần môn.

4. Hậu hậu khai dẫn môn.

5. Già chỉ môn.

6. Chuyển biến tự môn.

7. Hoại bất hoại môn.

8. An lập Bồ-đặc-già-la môn.

9. An lập sai khác môn.

10. Lý thú môn.

11. Biết khắp đẳng môn.

12. Lực vô lực môn.

13. Biệt biệt dẫn môn.

14. Dẫn phát môn.

Thế nào là phân biệt hiển thị quyết trạch? Là trong đã chỗ nói các pháp như uẩn... Tùy theo sự thích ứng của nó mà khởi một hàng thuận với câu trước, thuận với câu sau, hai câu, ba câu, bốn câu, câu tương thuật, câu ngăn dứt.

Thế nào là đẳng luận quyết trạch? Là nương vào tám thứ. Thế nào

là tám thứ ? Hoặc là ngôn từ vấn đáp để quyết trạch tất cả chân nguy.  
Sau đây có bốn thứ đạo lý của đẳng luận quyết trạch:

1. Năng phá.
2. Năng lập.
3. Năng đoạn.
4. Năng giác.

- Thế nào là thâm nhiếp quyết trạch? Là do mười xứ thâm nhiếp quyết trạch. Mười xứ gồm:

1. Thành sở tác quyết trạch xứ.
2. Thú nhập quyết trạch xứ.
3. Thắng giải quyết trạch xứ.
4. Đạo lý quyết trạch xứ.
5. Luận quyết trạch xứ.
6. Thông đạt quyết trạch xứ.
7. Thanh tịnh quyết trạch xứ.
8. Dẫn phát quyết trạch xứ.
9. câu sai khác quyết trạch xứ.

10. Không do công dụng khi tạm tác ý thì tất cả nghĩa thành xứ quyết trạch.

- Thế nào là luận quỹ quyết trạch? Lược có bảy thứ:

1. Luận thể.
2. Luận xứ.
3. Luận y.
4. Luận trang nghiêm.
5. Luận phụ.
6. Luận xuất ly.
7. Luận đa sở tác pháp.

- Luận thể thứ nhất lại có sáu thứ:

1. Ngôn luận.
2. Thượng luận.
3. Tránh luận.
4. Hủy luận.
5. Thuận luận.
6. Giáo luận.

Ngôn luận là ngôn ngữ của tất cả thế gian.

Thượng luận là sự tùy nghe luận của các thế gian, sự ưa chuộng của thế trí.

Tránh luận là sự lập ngôn luận trái nhau.

Hủy luận là phần nộ lẫn nhau mà nói lời thô ác.

Thuận luận là thuận theo trí thanh tịnh mà thấy tất cả ngôn luận quyết trạch.

Giáo luận là tất cả ngôn luận dẫn dạy hữu tình tâm chưa định giúp cho tâm định, hữu tình tâm đã định thì giúp cho giải thoát.

Luận xứ thứ hai hoặc đối với vương gia, hoặc đối với chấp lý gia, hoặc đối với thuần chất (chất trong sạch) gắng tạo xét tính, hoặc đối với bạn tốt, hoặc đối với Sa-môn, Bà-la-môn... Khéo hiểu nghĩa pháp mà mở đầu luận.

Luận dựa vào thứ ba là nương vào luận xứ này mà lập luận, lược có hai thứ:

1. Sở thành lập.
2. Năng thành lập.
- Sở thành lập có hai thứ:
  1. Tự tánh.
  2. Sai khác.
- Năng thành lập có tám thứ:
  1. Lập tông.
  2. Lập nhân.
  3. Lập dụ.
  4. Hợp.
  5. Kiết.
  6. Hiện lượng.
  7. Tỷ lượng.
  8. Thánh giáo lượng.

Sự thành lập tự tánh, là tự tánh ngã, hoặc tự tánh pháp. Sai khác là ngã sai khác hoặc pháp sai khác. Lập tông, là lấy sự thích ứng thành lập nghĩa tự thừa nhận để tuyên bố hiển thị đối với người khác, giúp người kia hiểu rõ. Lập nhân, là đối với đã thành nhưng chưa rõ nghĩa chánh thức nói tướng tín hiệu của hiện lượng có thể đạt hoặc không thể đạt được. Lập dụ, là đem điều đã thấy cùng với sự chưa thấy hòa hợp để chánh thức thuyết nêu. Hợp, là dẫn nghĩa ngoài các chủng loại ấy, khiến dựa theo chánh pháp mà nói nghĩa lí. Kiết, là tất cả chánh thức giảng nói đạt đến nghĩa lí rốt ráo. Hiện lượng, là nghĩa tự nhận biết rõ đúng không mê lầm. Tỷ lượng, là hiển hiện các tín hiệu khác. Thánh giáo lượng, là không trái giáo của hai lượng kia.

Luận trang nghiêm thứ tư là nương vào chánh lý của luận mà mở đầu luận, vì hay khéo, sâu xa nên gọi là trang nghiêm. Luận này lại có

sáu thứ:

1. Thiện tự tha tông.
2. Ngôn âm tròn đầy.
3. Vô úy.
4. Biện tài.
5. Đôn hậu, nghiêm túc.
6. Ứng cúng.

Luận phụ thứ năm là là xả ngôn, ngôn khuất, ngôn quá. Xả ngôn là tự phát lời luận của mình, bỏ qua đức của luận người.

Ngôn khuất là nhờ vào phương tiện của các việc khác, hoặc nói ngoại sự xả bỏ bốn tông, hoặc hiện phần nộ kiêu mạn để che giấu, như kinh nói rộng.

- Ngôn quá, lược có chín thứ:

1. Tạp loạn.
2. Thô ác.
3. Không nói rõ.
4. Vô hạn lượng.
5. Phi nghĩa tương ứng.
6. Không ứng thời.
7. Không quyết định.
8. Không hiển rõ.
9. Không nối tiếp.

Luận xuất ly thứ sáu là quán sát đức và lỗi khiến luận xuất ly, hoặc không khởi lại nữa. Nếu như biết hai bên chẳng phải chánh pháp khí, có nhiều thứ không đức, tự nó không thiện xảo, không nên tranh luận. Nếu khi hai bên là chánh pháp khí, có nhiều hữu đức, tự nó có thiện xảo mới có thể khởi luận.

- Luận đa sở tác pháp thứ bảy lược có ba thứ:

1. Khéo đạt tự tha tông, do đó có thể gắng phát khởi đàm luận khắp.
2. Vô úy, do đây có thể gắng ở trong tất cả chúng phát khởi mở đầu.
3. Biện tài, do đây có thể kham đối với các vấn nạn đều khéo biện luận đối đáp.

Lại nữa, nếu muốn tự cầu lợi ích an vui, đối với các quy tắc luận phải khéo thông đạt, không nên phát khởi tranh luận với người khác, như Đức Bạc-già-phạm trong kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói như vậy: “Nếu các Bồ-tát muốn siêng năng tiến tu các phẩm thiện, muốn hành

pháp chân thật, tùy pháp hành, muốn khéo làm lợi ích cho tất cả hữu tình, muốn được nhanh chóng chứng đạo quả Bồ-đề vô lượng, thì phải chánh quán sát pháp mười hai xứ, không nên phát khởi tranh luận với người khác”.

Mười hai xứ gồm:

1. Khi tuyên thuyết chứng nghĩa vô thượng nơi pháp mẫu nhiệm, thì sự tin hiểu đó là rất khó được.

2. Tác tâm thọ giáo, như người thưa hỏi là rất khó được.

3. Lúc đó các vị hiền thiện quán sát đức lỗi là rất khó được.

4. Phạm sự phát khởi luận có thể lia sáu lỗi là rất khó được. Sáu lỗi là:

- a. Lỗi chấp trước tà tông.
- b. Lỗi kiểu loạn ngữ.
- c. Lỗi lời nói ra không đúng lúc.
- d. Lỗi lời nói thoái khuất.
- e. Lỗi nói lời thô ác.
- f. Lỗi tâm phần nộ.

5. Hễ khi khởi luận, thì không có tâm ác độc trong lòng là rất khó được.

6. Hễ khi khởi luận, khéo ủng hộ tha tâm là rất khó được.

7. Hễ khi khởi luận, khéo ủng hộ định tâm là rất khó được.

8. Hễ khi khởi luận, tâm muốn khiến cho mình kém người hơn là rất khó được.

9. Mình kém người hơn, tâm không phiền não là rất khó được.

10. Tâm đã phiền não mà được trụ an ổn là rất khó được.

11. Đã không an trụ nhưng thường tu pháp thiện là rất khó được.

12. Đối với các pháp thiện đã không hằng tu, tâm chưa đắc định thì có thể mau đắc định, tâm đã đắc định thì có thể mau giải thoát là rất khó được.

Thế nào là bí mật quyết trạch? Là nói danh cú, văn thân của các nghĩa ẩn mật khác chuyển biến, lại càng hiển bày các nghĩa khác, như kế kinh nói:

*Nghịch hại với cha mẹ,  
Vua và hai học rộng,  
Diệt quốc và tùy hạnh,  
Là người nói thanh tịnh.*

Lại, kế kinh nói:

*Không tín, không tri ân,*

*Dứt mật không chỗ chứa,  
Thường ăn vật người ói,  
Là trượng phu tối thượng.*

Lại khế kinh nói:

*Biết không chắc là chắc,  
Khéo trụ nơi điên đảo,  
Bị phiền não ép ngặt,  
Đắc Bồ-đề tối thượng.*

Lại nữa, khế kinh nói: “Đại Bồ-tát thành tựu năm pháp thì thí Ba-la-mật-đa nhanh chóng được viên mãn”.

- Năm pháp là:

1. Tăng ích san lện pháp tánh.
2. Đối với thí có một nhọc.
3. Ganh ghét cầu xin.
4. Không tạm thời thí ít .
5. Xa lìa bố thí.

- Lại, khế kinh nói: “Đại Bồ-tát thành thành tựu năm pháp thì gọi là bậc phạm hạnh, thành tựu phạm hạnh thanh tịnh bậc nhất”. Năm pháp là:

1. Thường cầu lấy dục lìa dục.
2. Xả dứt pháp dục.
3. Dục tham đã sinh thì liền chấp chặt.
4. Sợ pháp đối trị dục.
5. Ba, hai thường tham.

Vì sao luận này gọi là Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập? Lược có ba nghĩa:

1. Vì đẳng sở tập.
2. Vì biến sở tập.
3. Vì chánh sở tập.

